

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Hội đồng tuyển sinh

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
Ngành: Tâm lý học lâm sàng **Mã số: 8 31 04 02**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Tâm lý học ĐC	Tâm lý học phát triển			
1	TL001	Lê Tú Anh	7/3/2002	4.25	8.0	12.25		Miễn Tiếng Anh
2	TL002	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	17/12/2003	4.75	8.75	13.50		Miễn Tiếng Anh
3	TL003	Nguyễn Tuấn Minh Anh	17/10/2003					Bỏ thi
4	TL004	Vũ Minh Anh	18/3/2003	5.75	6.5	12.25		Miễn Tiếng Anh
5	TL005	Trương Thị Ngọc Ánh	12/5/2003	6.5	6.75	13.25		Miễn Tiếng Anh, Dân tộc Mường
6	TL006	Nguyễn Thanh Chúc	1/8/2002					Bỏ thi
7	TL007	Nguyễn Thị Dung	18/10/1987	6.75	8.5	15.25	28.0	
8	TL008	Nguyễn Khánh Dương	20/11/1999	7.0	8.0	15.00		Miễn Tiếng Anh
9	TL009	Bùi Thị Duyên	24/3/1993					Bỏ thi
10	TL010	Đinh Thị Thu Hà	18/4/1999	8.0	8.0	16.00	27.0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Tâm lý học ĐC	Tâm lý học phát triển			
11	TL011	Nguyễn Thu Hằng	14/2/1999					Bỏ thi
12	TL012	Nguyễn Thị Hằng	7/9/1985	7.25	8.25	15.50	27.5	
13	TL013	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/4/1982	8.5	8.0	16.50	32.0	
14	TL014	Nguyễn Thị Hào	10/8/1995	6.5	8.75	15.25	27.0	
15	TL015	Mai Thị Hiền	8/5/1997	6.25	6.0	12.25	27.0	
16	TL016	Vương Thị Thanh Hiền	28/9/1994					Bỏ thi
17	TL017	Trần Trung Hiếu	15/4/1999	5.75	7.25	13.00		Miễn Tiếng Anh
18	TL018	Đặng Thị Hoa	8/10/1985	7.25	7.75	15.00		Miễn Tiếng Anh
19	TL019	Phan Thị Thanh Hồng	21/1/1992	7.25	9.0	16.25	29.5	
20	TL020	Nguyễn Thị Ánh Hồng	12/11/1987	7.75	7.25	15.00	29.0	
21	TL021	Nguyễn Thị Lan Hương	7/11/1986	6.0	8.25	14.25		Miễn Tiếng Anh
22	TL022	Hoàng Thị Thu Hương	27/8/2003	6.0	6.25	12.25		Miễn Tiếng Anh
23	TL023	Nguyễn Thị Hường	23/9/2000					Bỏ thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Tâm lý học ĐC	Tâm lý học phát triển			
24	TL024	Nguyễn Thu Huyền	10/2/1996	7.25	9.0	16.25		Miễn Tiếng Anh
25	TL025	Phùng Thị Thanh Huyền	2/6/1997	6.5	8.5	15.00	27.5	
26	TL026	Hứa Thị Lê	17/2/2001	6.75	8.0	14.75	24.5	
27	TL027	Bùi Văn Liêm	16/9/1992	7.0	7.0	14.00	24.5	
28	TL028	Vũ Khánh Linh	2/9/2003	5.5	5.25	10.75		Miễn Tiếng Anh
29	TL029	Nguyễn Thị Phương Linh	19/1/2002					Bỏ thi
30	TL030	Nguyễn Thị Hồng Lý	17/11/1997	7.75	7.75	15.50	27.0	
31	TL031	Chu Thị Quỳnh Mai	6/11/1998	3.0	7.25	10.25		Miễn Tiếng Anh
32	TL032	Trần Bảo Minh	8/5/2003	2.0	6.75	8.75		Miễn Tiếng Anh
33	TL033	Vũ Nguyệt Minh	7/2/2002	5.0	6.75	11.75	28.5	
34	TL034	Nguyễn Văn Thiên Nga	18/7/2003	3.75	8.50	12.25		Miễn Tiếng Anh
35	TL035	Trần Thị Ngoan	2/7/1998	6.5	8.75	15.25	26.0	
36	TL036	Phạm Thị Nhã	10/2/1985	8.0	8.75	16.75	26.0	

h

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Tâm lý học ĐC	Tâm lý học phát triển			
37	TL037	Hà Thị Nhung	8/12/1997	8.0	8.25	16.25	26.0	
38	TL038	Lê Hồng Nhung	14/12/2000	5.75	6.5	12.25		Miễn Tiếng Anh
39	TL039	Nguyễn Văn Ninh	15/10/1998	6.5	6.5	13.00	27.5	
40	TL040	Trần Thị Oanh	29/3/2002	7.25	8.25	15.50	26.0	
41	TL041	Trần Kiều Phong	27/3/2004	1.75	6.0	7.75		Miễn Tiếng Anh
42	TL042	Nguyễn Ngọc Như Phương	23/4/1998	6.0	7.25	13.25	30.0	
43	TL043	Nguyễn Thị Lan Phương	24/10/2003	5.25	8.25	13.50		Miễn Tiếng Anh
44	TL044	Nguyễn Thị Quyên	8/7/1992	6.0	8.0	14.00		Miễn Tiếng Anh
45	TL045	Lê Thị Quỳnh	2/6/1998	6.0	8.0	14.00	30.0	
46	TL046	Phan Như Quỳnh	29/8/2001	7.75	8.5	16.25	34.5	
47	TL047	Nguyễn Xuân Thắng	22/3/1984	6.0	8.75	14.75	30.0	
48	TL048	Nguyễn Văn Thao	20/2/1999					Bỏ thi
49	TL049	Trần Phương Thảo	14/2/1990	8.25	9.0	17.25	32.0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Tâm lý học ĐC	Tâm lý học phát triển			
50	TL050	Phạm Thị Phương Thảo	14/1/1995	7.0	8.5	15.50	33.5	
51	TL051	Vũ Thị Thoa	27/8/1996	3.25	7.25	10.50	33.5	
52	TL052	Trần Thị Phương Thuý	13/3/2002	3.75	7.75	11.50		Miễn Tiếng Anh
53	TL053	Phùng Thị Thuý	3/10/1998	4.25	8.5	12.75	31.0	
54	TL054	Phạm Thị Thuý Tiên	3/8/2003	2.25	6.5	8.75		Miễn Tiếng Anh
55	TL055	Nguyễn Thị Tình	10/7/1996	3.75	6.0	9.75	32.5	
56	TL056	Trần Văn Toàn	30/12/1989	1.75	7.75	9.50	25.5	
57	TL057	Nguyễn Thị Trang	1/2/1987	6.75	8.75	15.50		Miễn Tiếng Anh
58	TL058	Nguyễn Đức Trọng	4/8/2003	5.0	7.0	12.00	27.5	
59	TL059	Lê Văn Trung	8/9/1978	7.0	9.25	16.25	34.0	
60	TL060	Trần Thị Hải Tú	23/5/2003	4.25	2.0	6.25		Miễn Tiếng Anh
61	TL061	Nguyễn Văn Việt	6/4/1992	3.5	8.75	12.25	28.5	
62	TL062	Phạm Thị Hồng Xiêm	27/4/1984	7.5	9.25	16.75	30.5	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Tâm lý học ĐC	Tâm lý học phát triển			
63	TL063	Trần Thị Yến	23/10/1982	8.0	9.25	17.25	27.5	
64	TL064	Phạm Thị Kim Yến	8/12/1999	5.5	9.25	14.75	31.5	

Danh sách gồm: 64 thí sinh

Người đọc điểm: Tô Văn Toàn 

Người ghi điểm: Lương Thị Minh Phương

Người kiểm soát: Đặng Thị Thanh Thảo

NGƯỜI LẬP BẢNG



ThS. Lương Minh Phương

UVTT HỘI ĐỒNG THI



TS. Đặng Thị Thanh Thảo

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH HĐT



TS. Phan Hồng Dương

